

Số: /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi thực hiện của
Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 38/TTr-BQLKKT ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi thực hiện của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi thực hiện của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Kon Tum (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các thủ tục hành chính tại các Quyết định: Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021; Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022; Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024; Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Các PCVP UBND tỉnh;
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (thực hiện);
- Viễn thông Kon Tum (phối hợp);
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI THỰC HIỆN
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 30 TTHC

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện			Ghi chú
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích	
I	Lĩnh vực: Đầu tư tại Việt Nam									
1	1.009742.000.00.00.H34	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, ngày 26/3/2021 - Nghị định số 19/2025/NĐ-CP, ngày 10/02/2025 - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 - Thông tư số 06/2025/TT-BKHĐT ngày 12/02/2025	x	x	x	
2	1.009748.000.00.00.H34	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
3	1.009755.000.00.00.H34	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	

4	1.009756.000 .00.00.H34	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
5	1.009757.000 .00.00.H34	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
6	1.009759.000 .00.00.H34	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
7	1.009760.000 .00.00.H34	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	03 ngày làm việc hoặc 10 ngày làm việc (tùy trường hợp)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	

8	1.009762.00 0.00.00.H34	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
9	1.009763.000 .00.00.H34	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
10	1.009764.000 .00.00.H34	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	

11	1.009765.000 .00.00.H34	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
12	1.009766.000 .00.00.H34	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
13	1.009767.000 .00.00.H34	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	

		tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý								
14	1.009768.000.00.00.H34	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	07 ngày hoặc 05 ngày (tùy trường hợp)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
15	1.009769.000.00.00.H34	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
16	1.009770.000.00.00.H34	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ	15 ngày làm việc hoặc 18 ngày làm việc (tùy	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	

		trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	trường hợp)							
17	1.009771.000.00.00.H34	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
18	1.009772.000.00.00.H34	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Theo trường hợp ¹	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
19	1.009774.000.00.00.H34	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc hoặc 05 ngày làm việc (tùy theo trường hợp)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
20	1.009773.000.00.00.H34	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	

¹ Trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày quyết định, nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư hoặc thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.

21	1.009775.000 .00.00.H34	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
22	1.009776.000 .00.00.H34	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
23	1.009777.000 .00.00.H34	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Theo trường hợp ²	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	x	x	
24	2.002725.H3 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 - Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024	x	x	x	
25	2.002726.H3 4	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, ngày 26/3/2021 - Nghị định số 19/2025/NĐ-CP,	x	x	x	

² - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo cho Ban Quản lý nơi đặt văn phòng điều hành.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban Quản lý quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.

26	2.002727.H34	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	ngày 10/02/2025 - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 - Thông tư số 06/2025/TT-BKHĐT ngày 12/02/2025	x	x	x	
II	Lĩnh vực: Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế									
27	2.002728.H34	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	58 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có	- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022; - Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24/01/2025.	x	x	x	
28	2.002731.H34	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có		x	x	x	
29	2.002729.H34	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có		x	x	x	
30	2.002732.H34	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không có		x	x	x	

Tổng cộng: 30 Thủ tục hành chính (Trong đó: Lĩnh vực đầu tư Việt Nam 26 TTHC; Lĩnh vực quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: 04 TTHC).